

Hải Phòng, ngày 02 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, mã số 7810103
hình thức đào tạo chính quy**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 17/09/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thành Đông;

Căn cứ Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế 60/QĐ-DHTĐ ngày 25/05/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh và Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh và ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, mã số 7810103, hình thức đào tạo chính quy, (có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và được áp dụng cho đào tạo sinh viên đại học chính quy từ khóa 16 (năm học 2025-2026).

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng khoa Kinh tế - QTKD, Trường phòng Quản lý đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH (để báo cáo);
- Website Trường;
- Lưu: VT, Khoa ĐL, QLCL, ĐT;

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THÀNH ĐÔNG
Lê Văn Hùng

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, trình độ đại học, mã số 7810103
(Ban hành theo Quyết định số 1445 /QĐ-ĐHTĐ ngày 02 tháng 8 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường đại học Thành Đông)

STT	Mã HP	Tên HP		Số TC	HK	Phân tiết				STT HP tiên quyết
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			LT	TH/ TH	TT ngoài trường	Tự học	
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương				37						
1.1. Nhóm học phần bắt buộc				25						
1	PML0071	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3	I	45			90	
2	EML0071	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	2	II	30			60	(1)
3	SSO0071	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science Socialism	2	III	30			60	(2)
4	HID0071	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thought	2	IV	30			60	(3)
5	HIS0071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	2	V	30			60	(4)
6	SRM0071	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific Research Methodology	2	I	20	20		60	
7	SSK0071	Kỹ năng mềm	Soft Skills	2	I	20	20		60	
8	IAI0071	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo	Introduction to artificial intelligence	4	II	40	40		120	
9	SUP0071	Khởi nghiệp	Entrepreneurship	2	III	20	20		60	
10	DDI0071	Kỹ thuật soạn thảo và ban hành văn bản	Techniques for Drafting and Issuing Documents	2	I	20	20		60	
11	EMA0031	Toán kinh tế	Economic Mathematics	2	I	20	20		60	

Nhóm học phần tự chọn (Sinh viên chọn 1 nhóm tiếng Anh hoặc tiếng Trung)				12						
12 13 14 15	BE10071	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	3	II	30	30		90	
	BE20071	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	III	30	30		90	(12)
	BE30071	Tiếng Anh cơ bản 3	Basic English 3	3	IV	30	30		90	(13)
	BE40071	Tiếng Anh cơ bản 4	Basic English 4	3	V	30	30		90	(14)
	CHI10071	Tiếng Trung cơ bản 1	Basic Chinese 1	3	II	30	30		90	
	CHI20071	Tiếng Trung cơ bản 2	Basic Chinese 2	3	III	30	30		90	(12)
	CHI30071	Tiếng Trung cơ bản 3	Basic Chinese 3	3	IV	30	30		90	(13)
	CHI40071	Tiếng Trung cơ bản 4	Basic Chinese 4	3	V	30	30		90	(14)
1.3. Nhóm học phần điều kiện (không tính vào khối lượng CTDH)				11						
16	SEM1007 1	Giáo dục quốc phòng 1	National Defense Education 1	4	I					Cấp CC
17	SEM2007 1	Giáo dục quốc phòng 2	National Defense Education 2	4	II					
18	PHE10071	Giáo dục thể chất 1	Physical Education 1	1	I					Cấp CC
19	PHE20071	Giáo dục thể chất 2	Physical Education 2	1	II					
20	PHE30071	Giáo dục thể chất 3	Physical Education 3	1	III					
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				85						
2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành				30						
2.1.1. Nhóm học phần bắt buộc				26						
21	ITM2071	Nhập môn ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Introduction to Tourism and Travel Service Management	1	II	10	20		30	
22	ADS0331	Quản trị học	School of Management	2	I	20	20		60	
23	PRM0331	Marketing căn bản	Basic Marketing	2	IV	20	20		60	

24	VCF2071	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Vietnamese Culture Foundations	3	II	30	30		90	
25	ITT2071	Tổng quan du lịch	Introduction to tourism	3	II	30	30		90	
26	MIC0331	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	II	30	30		90	
27	MAC0331	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	III	30	30		90	(25)
28	TGG2071	Địa lý du lịch	Tourism Geography	3	III	30	30		90	(24)
29	TRS2071	Tài nguyên du lịch	Tourism Resources	3	IV	30	30		90	(27)
30	TRL3071	Luật du lịch	Tourism Law	3	IV	30	30		90	
2.1.2. Nhóm học phần tự chọn				4						
31 32	CEB2071	Văn hoá và đạo đức trong kinh doanh	Culture and ethics in business	2	III,	20	20		60	
	CCT2071	Văn hoá ẩm thực	Culinary Culture	2	IV	20	20		60	
	VML2071	Di tích và danh thắng Việt Nam	Vietnam Monuments and Landscapes	2		20	20		60	
	VNH2071	Lịch sử Việt Nam	History of Vietnam	2		20	20		60	
2.2. Khối kiến thức ngành, chuyên ngành				45						
2.2.1. Nhóm học phần bắt buộc				41						
33	TMK2071	Marketing du lịch	Marketing in tourism	2	V	20	20		60	-24
34	PCT2071	Tâm lý và giao tiếp du lịch	Psychology and communication in tourism	3	VII	30	30		90	
35	HRM0331	Quản trị nhân lực	Human Resource Management	3	VI	30	30		90	(22)
36	QLM0331	Quản trị chất lượng	Quality Management	3	VII	30	30		90	
37	ECM0331	Thương mại điện tử	E-Commerce	3	V	30	30		90	
38	VTS2071	Điểm tuyến du lịch Việt Nam	Vietnam Tourism Sites	3	III	30	30		90	(24)
39	TGP2071	Nghề nghiệp hướng dẫn du lịch	Tour guiding	3	V	30	30		90	(37)

C. V.
TRƯỜNG
I HỌC
NH ĐÓN

40	DOT2071	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	Designing and managing tour programs.	3	VI	30	30		90	(37)
41	TDM2071	Quản trị điểm đến	Tourism Destination Management	3	VII	30	30		90	
42	TEM2071	Quản trị sự kiện	Event Management	3	VII	30	30		90	
43	TBM2071	Quản trị kinh doanh lữ hành	Travel Business Management	3	VI	30	30		90	(37)
44	AWT12071	Tham quan nhận thức 1	Awareness Tour 1	1	IV		30		30	
45	AWT22071	Tham quan nhận thức 2	Awareness Tour 2	1	V		30		30	(43)
46	AWT32071	Tham quan nhận thức 3	Awareness Tour 3	1	VI		30		30	(44)
47	ETT1571	Ngoại ngữ chuyên ngành ^(*) 1	English Major 1	3	VI	30	30		90	
48	EHO1571	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	English Major 2	3	VII	30	30		90	(46)
2.2.2. Nhóm học phần tự chọn				4						
49 50	ECT2071	Du lịch sinh thái	Ecotourism	2	V,	20	20		60	
	CBT2071	Du lịch cộng đồng	Community -based Tourism	2	VI	20	20		60	
	VCT2071	Du lịch văn hoá	Cultural Tourism	2		20	20		60	
	VST2071	Du lịch tâm linh	Spiritual tourism	2		20	20		60	
2.3. Nhóm học phần tốt nghiệp				10						
2.3.1. Thực tập nghề nghiệp				4						
51	TGI2071	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	4	VIII	15		180	55	
2.3.2. Khoá luận Tốt nghiệp										
52	TFT2071	Khoá luận tốt nghiệp	Final Thesis	6	VIII	15		300	60	(50)
2.3.3. Học phần thay thế khóa luận TN				6						
53	SMT2071	Quản trị chiến lược trong du lịch	Strategic Management in Tourism	3	VIII	30	30		90	

54	FMT2071	Quản trị tài chính doanh nghiệp du lịch	Financial Management in Tourism	3	VIII	30	30		90
Tổng cộng toàn khóa: số tín chỉ				122	trong đó 15 tín chỉ bắt buộc, 102, 15 tín chỉ tự chọn, 20				
Lưu ý (*): Ngoại ngữ chuyên ngành sẽ được áp dụng dựa trên ngôn ngữ cơ bản mà sinh viên đã lựa chọn trong khối giáo dục Đại cương - Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung									

1000